

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 90/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 1988

QUYẾT ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 90/HĐBT NGÀY 24-5-1988

VỀ VIỆC BAN HÀNH DANH MỤC SẢN PHẨM

DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2, lần thứ 3 và lần thứ 4 Ban Chấp hành trung ương Đảng (khoá VI), Nghị quyết của Bộ chính trị số 11-NQ/TU ngày 2-5-1988;

Để cải tiến một bước công tác quản lý giá nhằm thực hiện cơ chế quản lý kinh tế mới, tạo điều kiện cho các đơn vị kinh tế cơ sở chuyển sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban vật giá Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục sản phẩm do Nhà nước định giá mặt hàng chuẩn.

Căn cứ vào giá mặt hàng chuẩn được Hội đồng Bộ trưởng quy định, Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước trao đổi với Bộ tài chính và các Bộ quản lý sản xuất, lưu thông có liên quan, để cụ thể hoá giá mặt hàng theo quy cách, chất lượng, khu vực...

Điều 2. - Ủy quyền cho liên bộ hoặc Bộ trưởng các Bộ quản lý sản xuất và lưu thông thông báo danh mục sản phẩm quan trọng do liên Bộ hoặc Bộ quyết định giá.

Điều 3. - Các cấp được quyền định giá phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của mức giá do mình quyết định và phải kiểm tra, theo dõi việc thực hiện.

Quyết định giá của các Bộ, Tổng cục và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu phải gửi cho Ủy ban Vật giá Nhà nước biết để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện.

Điều 4. - Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. - Chủ nhiệm Ủy ban vật giá Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này; đôn đốc và kiểm tra các ngành, các cấp, các đơn vị sản xuất kinh doanh thực hiện.

Điều 6. - Danh mục kèm theo Quyết định này thay thế cho 4 bản danh mục kèm theo Điều lệ quản lý giá do Nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành, và có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

DANH MỤC SẢN PHẨM

DO HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG QUYẾT ĐỊNH GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 90-HĐBT ngày 24-5-1988

của Hội đồng Bộ trưởng)

A. GIÁ CHỈ ĐẠO

I. Giá mua nông sản, thủy sản

1. Quyết định giá chuẩn hoặc khung giá mua theo hợp đồng kinh tế:

a) Thóc tẻ của từng vùng.

b) Cây công nghiệp quan trọng tại vùng sản xuất nguyên liệu, tập trung cho nhà máy hoặc xuất khẩu như cà-phê, chè, hồ tiêu, đậu nành, lạc vỏ, mía, đay, thuốc lá lá.

c) Muối, tôm và mực xuất khẩu, cá làm nguyên liệu nước mắm.

2. Quyết định tỷ lệ trao đổi giữa xăng dầu, phân đạm, lân, ka-li với thóc và các cây công nghiệp tại tiết b, điểm 1.

3. Quyết định mức giá bảo hiểm (mức giá thấp nhất để bảo vệ phát triển sản xuất) một số loại sản phẩm quan trọng ở những vùng sản xuất tập trung mà Nhà nước có kế hoạch mua trong trường hợp giá thị trường xuống thấp không bảo đảm bù đắp chi phí cho người sản xuất.

II. Giá bán buôn và cước vận tải hàng hoá

1. Quy định chính sách, nguyên tắc, phương pháp tính giá bán vật tư nhập khẩu và sản xuất trong nước.

2. Quyết định giá bán mặt hàng chuẩn thuộc các loại hàng sau đây:

1. Than: than cám 5 Hòn Gai, Cẩm Phả.

2. Điện: Điện thương phẩm.

3. Xăng dầu:

- Xăng ô-tô A72-A76

- Dầu đi-ê-den thông dụng DL,

- Dầu Ma-zút.

4. Kim loại:

- Thép tròn thường, tròn CTo-CT7, 05mm,

- Thép các-bon CT45,

- Thép dụng cụ Y7A-Y13A

- Thép tấm đóng tàu dày 6mm,

- Đồng thỏi M1-M3,

- Nhôm thỏi A6-A7,

- Bảng thép làm khung xe đạp 08-K.

5. Gỗ: Gỗ tròn nhóm 4 035-45cm, dài 2,5-3,9m.

6. Xi măng: Xi măng P.300 (TCVN 140-164).

7. Cao su: Cao su mủ khô.

8. Bông và sợi nhập khẩu là nguyên liệu dệt:

- Bông xơ Liên Xô cấp II, chiều dài xơ 28/29 đến 34/35mm.

- Xơ polyester trắng 1,40~1,50D, dài 38mm.

- Sợi bông chỉ số Na20 (chỉ số Anh).

- Sợi pha 65% PE+35% bông, chỉ số Na45.

9. Giấy: Giấy in báo 51g/m²,

10. Hoá chất;

- Xút (NaOH-100%).

- Axít (H₂SO₄~98%).

11. Hoá dược:

- Vitamin B1,

- Tetracylin.

12. Phương tiện vận tải:

- Ô-tô Zil 431417,

- Tàu kéo, đẩy 135 CV,

- Sà lan 200T,

- Tàu hàng 400T.

13. Máy kéo và máy thi công:

- Máy kéo bánh lốp MTZ-50-52,

- Máy xúc EKG-5A,

- Máy trộn bê-tông 250 lít, lượng tính năng suất 6,5m³/h.

14. Máy động lực:

- Động cơ đi-ê-den D12M (12CV),

Động cơ điện AO2; 4,0 KW, 1.500V/ph,

- Máy thủy YANMAR 33CV.

15. Máy công cụ: Máy tiện T6M-16.

16. Máy biến thế: A320 công suất 320 KVA loại 10KV/0,4KV.

17. Máy bơm nước:

- Bơm ly tâm xiên LTX 800-9,

- Bơm ly tâm ngang 2LT-6.

18. Phân bón, thuốc trừ sâu và bơm thuốc trừ sâu:

- Urê,

- Superlân ròi,

- Ka-li,

- Methyl parathion 50ND,

- Bình bơm thuốc trừ sâu loại 16 lít.

19. Lưới và sợi đánh cá:

- Lưới ni-lon 210/9, a=11+20mm,

- Sợi ni-lon 210/9.

20. Cước vận tải hàng hoá:

- Đường sắt,

- Đường ô-tô,

- Đường sông,

- Đường biển,

- Cước phí cảng biển.

3. Quyết định tỷ giá (hệ số hối đoái) của từng nhóm hàng, mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu quan trọng khi chưa thực hiện cơ chế mua bán ngoại tệ qua Ngân hàng đối với các tổ chức kinh tế của Nhà nước làm nhiệm vụ xuất nhập khẩu.

III. Giá bán lẻ hàng tiêu dùng và dịch vụ

1. Quy định chính sách, nguyên tắc, phương pháp tính giá bán lẻ hàng tiêu dùng và dịch vụ.

2. Quyết định giá bán lẻ chỉ đạo của mặt hàng chuẩn:

1. Gạo bán theo tiêu chuẩn định lượng cho các đối tượng được mua theo giá chỉ đạo và giá giao gạo của các công ty tỉnh cho Tổng Công ty lương thực Trung ương.

2. Dầu hoả thấp sáng và làm chất đốt bán theo tiêu chuẩn định lượng.

3. Điện sinh hoạt.

4. Giấy viết bán phân phối theo định lượng cho học sinh phổ thông.

5. Sách giáo khoa cho học sinh phổ thông.

6. Giới hạn tối đa giá bán lẻ muối so với thóc của các tỉnh hoặc khu vực.

7. Sửa hộp bán theo định lượng cho các đối tượng chính sách.

8. Cước hành khách chuẩn của đường sắt, máy bay.

9. Tem thư và tiếng điện báo trong nước.

Ngoài những mặt hàng thiết yếu nêu trên, đối với những mặt hàng quan trọng khác lưu thông trong phạm vi cả nước hoặc vùng rộng, trước mắt uỷ quyền cho liên Bộ, Uỷ ban Vật giá Nhà nước cùng các Bộ, Tổng cục quản lý sản xuất và lưu thông các mặt hàng này quy định khung giá hoặc giá giới hạn tối đa (trần giá) cho từng vùng.

B. GIÁ KINH DOANH LINH HOẠT

Quyết định khung giá bán kinh doanh của một số loại vật tư quan trọng sản xuất trong nước và nhập khẩu.

1. Than,

2. Điện,

3. Gỗ,

4. Xi măng,

5. Xăng dầu,

6. Sắt thép,